

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN
GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 28
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh báo cáo tài chính	09 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103488607 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 03 năm 2009 và các lần thay đổi, đến nay lần cấp thay đổi gần nhất (lần 8) vào ngày 30 tháng 12 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, Toà Diamond Flower, số 48 phố Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Quang Vinh	Chủ tịch	(Tái bổ nhiệm Ủy viên HĐQT ngày 20 tháng 04 năm 2024, tái bổ nhiệm chủ tịch HĐQT ngày 25 tháng 04 năm 2024)
Bà Phạm Thị Hồng	Ủy viên	(Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2024)
Bà Nguyễn Hiền Trang	Ủy viên	(Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2024)
Ông Phạm Đình Lượng	Ủy viên	(Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Lan	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2024)
Ông Quách Tất Kiên	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2024)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Hồng	Giám đốc	(Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2024)
Bà Nguyễn Hiền Trang	Phó Giám đốc	(Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2024)
Ông Phạm Đình Lượng	Phó Giám đốc	(Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Phó Giám đốc	(Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2024)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo tài chính này là: Bà Phạm Thị Hồng - Giám đốc.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Huy Hoàng	Trưởng ban	(Bổ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát ngày 20 tháng 04 năm 2024, bổ nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát ngày 25 tháng 04 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Trà Giang	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2024)
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	(Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2024)
Ông Phạm Việt Quang	Thành viên	(Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2024)

BỔ NHIỆM KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Phạm Gia Huy được bổ nhiệm là Kế toán trưởng của Công ty từ ngày 01 tháng 08 năm 2024 và Bà Ma Thị Thu được thôi đảm nhận công việc Phụ trách kế toán của Công ty kể từ ngày này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc

Phạm Thị Hồng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2025



Số: 120225.003/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội ("Công ty") được lập ngày 12 tháng 02 năm 2025, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2025

Nguyễn Trường Minh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2290-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		41.432.099.086	40.794.825.726
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.369.669.618	21.467.715.781
111	1. Tiền		3.369.669.618	21.467.715.781
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	-	5.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	5.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		37.471.364.677	9.349.140.122
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	38.959.614.209	10.245.429.587
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	16.081.120	152.384.545
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	76.400.000	439.937.673
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.580.730.652)	(1.488.611.683)
140	IV. Hàng tồn kho	9	591.064.791	3.715.094.928
141	1. Hàng tồn kho		591.064.791	3.715.094.928
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	1.262.874.895
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	-	1.262.874.895
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		22.125.798.403	23.850.815.162
220	I. Tài sản cố định		22.046.947.055	23.643.255.977
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	22.046.947.055	23.643.255.977
222	- Nguyên giá		30.666.665.527	30.504.322.472
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.619.718.472)	(6.861.066.495)
260	II. Tài sản dài hạn khác		78.851.348	207.559.185
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	78.851.348	115.473.276
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	27	-	92.085.909
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		63.557.897.489	64.645.640.888

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		22.599.777.729	22.096.142.383
310	I. Nợ ngắn hạn		22.599.777.729	22.096.142.383
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	12.291.510.937	10.791.539.486
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	70.000.000	20.070.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.941.317.594	5.419.679.398
314	4. Phải trả người lao động		3.598.072.938	5.361.691.106
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	60.653.362	168.819.395
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		638.222.898	334.342.998
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		40.958.119.760	42.549.498.505
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	40.958.119.760	42.549.498.505
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		25.000.000.000	25.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		25.000.000.000	25.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(110.000.000)	(110.000.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.357.619.614	6.621.920.694
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.710.500.146	11.037.577.811
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		6.710.500.146	11.037.577.811
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		63.557.897.489	64.645.640.888



Ma Thị Thu
Người lập biểu



Phạm Gia Huy
Kế toán trưởng





Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	103.628.291.468	109.724.973.039
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	49.337.340	28.236.300
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		103.578.954.128	109.696.736.739
11	4. Giá vốn hàng bán	20	64.287.412.429	64.509.761.599
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		39.291.541.699	45.186.975.140
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	86.896.713	313.433.035
22	7. Chi phí tài chính		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	22	9.690.713.677	10.979.725.923
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	20.498.787.922	20.525.658.833
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.188.936.813	13.995.023.419
31	11. Thu nhập khác	24	36.762.475	6.798.200
32	12. Chi phí khác	25	207.098.146	33.688.539
40	13. Lợi nhuận khác		(170.335.671)	(26.890.339)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.018.601.142	13.968.133.080
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	2.216.015.087	2.879.609.740
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27	92.085.909	50.945.529
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>6.710.500.146</u>	<u>11.037.577.811</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.350	2.394



Ma Thị Thu
Người lập biểu



Phạm Gia Huy
Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		9.018.601.142	13.968.133.080
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.758.651.977	1.559.232.233
03	- Các khoản dự phòng		92.118.969	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(86.896.713)	(313.433.035)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.782.475.375	15.213.932.278
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(28.290.384.620)	3.991.747.762
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		3.124.030.137	(1.242.704.034)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(702.745.057)	(2.988.163.214)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.299.496.823	(1.251.047.680)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.313.514.584)	(3.834.051.895)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		53.000.000	109.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.800.998.991)	(4.276.067.008)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(19.848.640.917)	5.722.646.209
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(162.343.055)	(391.314.545)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		5.000.000.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		162.937.809	352.597.418
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		5.000.594.754	(38.717.127)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.250.000.000)	(3.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.250.000.000)	(3.000.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(18.098.046.163)	2.683.929.082
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		21.467.715.781	18.783.786.699
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	3.369.669.618	21.467.715.781


Ma Thị Thu
Người lập biểu


Phạm Gia Huy
Kế toán trưởng


Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2024

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103488607 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 03 năm 2009 và các lần thay đổi, đến nay lần cấp thay đổi gần nhất (lần 8) vào ngày 30 tháng 12 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, Toà Diamond Flower, số 48 phố Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 VND, tương đương 2.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (Upcom) với mã là EPH.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 98 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 95 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến hoạt động xuất bản giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động xuất bản khác: Thực hiện các dịch vụ xuất bản; tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa, chế bản các xuất bản phẩm và các tài liệu khác; phát hành các xuất bản phẩm; tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa, chế bản sách giáo khoa, sách giáo trình, sách bổ trợ, sách tự chọn, sách tham khảo, sách điện tử, đĩa CD;
- In ấn: In các xuất bản phẩm;
- Dịch vụ liên quan đến in: sửa bản in, định chính bản in, thẩm định bản thảo, hoàn thiện bản thảo;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Thực hiện dịch vụ bản quyền tác giả;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: tư vấn và cung cấp dịch vụ thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dụng và phương tiện dạy học;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác: dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm ngành in ấn chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: Tổ chức hội chợ, triển lãm, trưng bày giới thiệu các xuất bản phẩm; dịch vụ tổ chức hội thảo, hội nghị;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đầu: Mở trường học, dạy nghề cho tất cả các cấp học, bậc học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); khai thác, cung cấp dịch vụ, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Bán buôn chuyên doanh khác: buôn bán nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông; kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng: Dịch vụ quản lý, vận hành các công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng các công trình dân dụng, khu đô thị;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng;
- Hoạt động tư vấn quản lý: Quản lý dự án xuất bản.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: giá trị dở dang cuối năm là các chi phí phát sinh thực tế của các hợp đồng dịch vụ làm sách, biên soạn, tổ chức bản thảo... chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 50 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 06 năm |

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao nhanh bằng 2 lần mức khấu hao xác định theo phương pháp đường thẳng cho toàn bộ Tài sản cố định (không bao gồm văn phòng làm việc). Theo đó, Công ty đã ban hành công văn số 07/CV-HEPS ngày 16/01/2024 gửi cục thuế thành phố Hà Nội về áp dụng phương pháp khấu hao nhanh.

2.9 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 đến 36 tháng.

2.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

2.13 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.15 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19 Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là sản xuất, thương mại, dịch vụ liên quan đến hoạt động xuất bản giáo dục và lãnh thổ duy nhất là Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	796.258.230	560.881.067
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.573.411.388	20.906.834.714
	3.369.669.618	21.467.715.781

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có tổng giá trị 5.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội với lãi suất 6,1%/năm. Trong năm, Công ty đã thu hồi (tất toán) các khoản tiền gửi có kỳ hạn này.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	35.983.609.554	-	6.539.231.247	-
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	31.078.238.923	-	-	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	-	-	17.817.649	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	-	-	21.965.731	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	3.024.867.788	-	1.588.150.188	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	1.271.528.378	-	68.021.928	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	-	-	68.185.714	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	279.108.865	-	2.126.276.500	-
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	33.812.600	-	470.216.358	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	-	1.001.995.733	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	-	-	349.901.376	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	279.415.000	-	826.700.070	-
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	16.638.000	-	-	-
Bên khác	2.976.004.655	(1.580.730.652)	3.706.198.340	(1.488.611.683)
Công ty CP Gia Lai CTC	563.047.190	(563.047.190)	563.047.190	(563.047.190)
Các khách hàng khác	2.412.957.465	(1.017.683.462)	3.143.151.150	(925.564.493)
	38.959.614.209	(1.580.730.652)	10.245.429.587	(1.488.611.683)

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên khác	16.081.120	-	152.384.545	-
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông Zoom Plus	-	-	75.000.000	-
Nguyễn Thị Thanh Hằng	-	-	18.856.822	-
Lưu Thị Minh Nguyệt	-	-	18.200.129	-
Nguyễn Huy Phong	-	-	20.848.000	-
Công ty CP Nội Thương Bắc	15.000.000	-	-	-
Các người bán khác	1.081.120	-	19.479.594	-
	16.081.120	-	152.384.545	-

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi	-	-	76.041.096	-
Kinh phí công đoàn	76.400.000	-	-	-
Phải thu về tạm ứng	-	-	29.700.000	-
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	-	-	84.396.897	-
Phải thu tiền nhuận bút	-	-	249.799.680	-
	76.400.000	-	439.937.673	-

8 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty CP Gia Lai CTC	563.047.190	-	563.047.190	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Giang	415.580.000	-	415.580.000	-
Công ty CP Viễn thông Tinh Vân	250.000.000	-	250.000.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Sơn La	301.118.980	-	301.118.980	83.347.034
Các đối tượng khác	50.984.482	-	50.984.482	8.771.935
	1.580.730.652	-	1.580.730.652	92.118.969

9 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.026.542	-	21.621.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	134.057.527	-	3.518.251.987	-
Thành phẩm	450.144.450	-	156.549.959	-
Hàng hoá	1.836.272	-	18.671.982	-
	591.064.791	-	3.715.094.928	-

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	1.227.812.121
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	35.062.774
	-	1.262.874.895
b) Dài hạn		
Chi phí trả trước dài hạn khác	78.851.348	115.473.276
	78.851.348	115.473.276

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	25.160.884.717	4.093.642.728	1.249.795.027	30.504.322.472
Mua trong năm	-	-	162.343.055	162.343.055
Số dư cuối năm	25.160.884.717	4.093.642.728	1.412.138.082	30.666.665.527
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.567.879.695	2.412.966.621	880.220.179	6.861.066.495
Khấu hao trong năm	505.099.536	916.732.428	336.820.013	1.758.651.977
Số dư cuối năm	4.072.979.231	3.329.699.049	1.217.040.192	8.619.718.472
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	21.593.005.022	1.680.676.107	369.574.848	23.643.255.977
Tại ngày cuối năm	21.087.905.486	763.943.679	195.097.890	22.046.947.055

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.201.925.937 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 2.201.925.937 VND).

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	4.880.565.414	4.880.565.414	3.905.579.501	3.905.579.501
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	4.877.851.014	4.877.851.014	3.387.549.037	3.387.549.037
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	2.714.400	2.714.400	-	-
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	-	518.030.464	518.030.464
Bên khác	7.410.945.523	7.410.945.523	6.885.959.985	6.885.959.985
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ in Toàn Cầu	462.000.000	462.000.000	-	-
Các người bán khác	6.948.945.523	6.948.945.523	6.885.959.985	6.885.959.985
	12.291.510.937	12.291.510.937	10.791.539.486	10.791.539.486

13 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Các khách hàng khác	70.000.000	20.070.000
	70.000.000	20.070.000

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.500.484.547	4.014.172.983	3.252.121.106	2.262.536.424
Thuế thu nhập doanh nghiệp	620.303.082	2.216.015.087	1.313.514.584	1.522.803.585
Thuế thu nhập cá nhân	3.298.891.769	10.890.137.341	12.033.051.525	2.155.977.585
Các khoản phí, lệ phí và phải nộp khác	-	4.381.949	4.381.949	-
	5.419.679.398	17.124.707.360	16.603.069.164	5.941.317.594

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	123.694.395
Hoa hồng môi giới	45.125.000	45.125.000
Các khoản khác	15.528.362	-
	<u>60.653.362</u>	<u>168.819.395</u>

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2023		11.037.577.811
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.300 VND)	13%/cổ phần	3.250.000.000
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	5,0%	551.878.891
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	40,8%	4.500.000.000
Trích Quỹ đầu tư phát triển	24,8%	2.735.698.920
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại		-

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024 VND	Tỷ lệ %	01/01/2024 VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	11.088.130.000	44,35	11.088.130.000	44,35
Các cổ đông khác	13.911.870.000	55,65	13.911.870.000	55,65
	25.000.000.000	100	25.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	25.000.000.000	25.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	25.000.000.000	25.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	3.250.000.000	3.000.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	3.250.000.000	3.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền trong năm	3.250.000.000	3.000.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	3.250.000.000	3.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.500.000	2.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.357.619.614	6.621.920.694
	<u>9.357.619.614</u>	<u>6.621.920.694</u>

17 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	45.000.000	60.134.400

18 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ tổ chức bản thảo	78.563.180.210	87.802.218.827
Doanh thu dịch vụ biên tập, thiết kế chế bản	588.735.120	809.478.392
Doanh thu bán sách	6.193.045.560	5.529.782.720
Doanh thu nhuận bút	18.283.330.578	15.583.493.100
	<u>103.628.291.468</u>	<u>109.724.973.039</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	99.605.300.131	105.778.137.719

19 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	49.337.340	28.236.300
	<u>49.337.340</u>	<u>28.236.300</u>

20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn dịch vụ tổ chức bản thảo	41.016.854.116	44.461.804.212
Giá vốn dịch vụ biên tập, thiết kế chế bản	-	114.264.233
Giá vốn bán sách	4.987.227.735	4.350.200.054
Giá vốn nhuận bút	18.283.330.578	15.583.493.100
	64.287.412.429	64.509.761.599
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	6.935.843.109	9.036.005.393
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)		

21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	86.896.713	313.433.035
	86.896.713	313.433.035

22 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân công	7.771.743.694	9.267.744.818
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	140.686.806	70.343.403
Chi phí dịch vụ mua ngoài	178.407.273	194.880.000
Chi phí khác bằng tiền	1.599.875.904	1.446.757.702
	9.690.713.677	10.979.725.923

23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân công	8.620.732.886	8.701.192.102
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	366.070.964	745.807.739
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.535.609.754	1.500.963.268
Thuế, phí và lệ phí	16.586.703	6.441.362
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	92.118.969	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.742.229.308	4.198.622.034
Chi phí khác bằng tiền	6.125.439.338	5.372.632.328
	20.498.787.922	20.525.658.833
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan	35.537.009	25.145.060
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)		

24 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu từ bán công cụ dụng cụ	563.630	6.197.266
Thu nhập khác	36.198.845	600.934
	36.762.475	6.798.200

25 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền chậm nộp thuế	103.685.375	33.688.483
Các khoản phạt hành chính	60.000.000	-
Các khoản khác	43.412.771	56
	207.098.146	33.688.539

26 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	9.018.601.142	13.968.133.080
Các khoản điều chỉnh tăng	1.221.015.668	1.065.522.812
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	92.118.969	-
- Phạt chậm nộp và phạt vi phạm hành chính	163.685.375	33.688.483
- Thủ lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	126.000.000	126.000.000
- Chi phí mua máy tính chưa ghi nhận vào thu nhập chịu thuế	-	460.429.546
- Thuế GTGT hàng biếu tặng	282.405.403	-
- Chi phí không được trừ khác	556.805.921	445.404.783
Các khoản điều chỉnh giảm	(460.429.546)	(715.157.192)
- Chi phí mua máy tính đã ghi nhận vào thu nhập chịu thuế năm trước	(460.429.546)	(715.157.192)
Thu nhập chịu thuế TNDN	9.779.187.264	14.318.498.700
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.955.837.453	2.863.699.740
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay (i)	260.177.634	15.910.000
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	620.303.082	1.574.745.237
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.313.514.584)	(3.834.051.895)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.522.803.585	620.303.082

(i) Công ty điều chỉnh chi phí thuế TNDN năm 2022 và năm 2023 vào thuế TNDN phải nộp năm 2024 với số tiền lần lượt là 176.049.456 VND và 84.128.178 VND.

27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	92.085.909
	-	92.085.909

b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	92.085.909	143.031.438
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(92.085.909)
	92.085.909	50.945.529

28 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	6.710.500.146	11.037.577.811
Các khoản điều chỉnh :		
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành (i)</i>	3.335.525.007	5.051.878.891
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.374.975.139	5.985.698.920
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.350	2.394

(i) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 được tính từ Lợi nhuận sau thuế sau khi đã điều chỉnh giảm theo mức trích lập Quỹ khen thưởng Ban điều hành (5% LNST) và Quỹ khen thưởng phúc lợi 3.000 triệu VND dự kiến theo Nghị quyết số 01/2024/ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.154.458	13.794.051
Chi phí nhân công	52.116.753.237	60.865.626.190
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.580.515.296	1.659.039.244
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.758.651.977	1.559.232.233
Thuế, phí và lệ phí	16.586.703	6.441.362
Chi phí dự phòng	92.118.969	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.276.290.701	24.345.552.872
Chi phí khác bằng tiền	8.164.530.248	5.538.712.983
	89.025.601.589	93.988.398.935

30 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Vào ngày 22 tháng 01 năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT.NK 2024-2029, trong đó đã thông qua: việc chi trả cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 12%/cổ phần, thời gian chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức là ngày 19 tháng 02 năm 2024, thời gian dự kiến chi trả là ngày 27 tháng 05 năm 2025; Hội đồng quản trị cũng thông qua chủ trương Công ty hủy tư cách công ty đại chúng, hủy đăng ký cổ phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom và sẽ trình Đại hội cổ đông năm 2025 thông qua.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

31 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN)	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể, công ty mẹ của Tập đoàn
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGDVN
Nhà Xuất bản Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Trực thuộc NXBGDVN
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	Trực thuộc NXBGDVN
Nhà Xuất bản Giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh	Trực thuộc NXBGDVN
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông	Cùng Tập đoàn
Công nghệ Giáo dục	
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn

Bên liên quan	Mối quan hệ
---------------	-------------

Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, những người quản lý khác của Công ty	Thành viên quản lý chủ chốt của Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	99.605.300.131	105.778.137.719
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	47.754.949.659	51.480.910.531
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	-	1.885.798.772
Nhà Xuất bản Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	20.338.640	20.338.640
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	-	661.500
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	11.887.930.450	12.058.654.500
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	13.980.667.800	5.971.067.500
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	8.971.699.674	16.632.867.518
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	150.000.000	1.169.695.248
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	568.396.480	2.189.201.535
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	11.346.076.628	8.241.560.426
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	-	897.624.929
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	-	26.047.120
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	-	31.063.140
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	72.468.000	67.562.000
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	33.812.600	790.452.360
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	4.818.960.200	4.314.632.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	6.971.380.118	9.061.150.453
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	22.727.273	23.636.364
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	250.329.735	201.631.862
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	379.492.850	1.019.448.540
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	769.451.350	1.049.467.267
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	523.268.560	153.482.240
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	4.991.020.350	6.451.570.980
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	-	16.260.000
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	35.090.000	145.653.200
Cổ tức đã trả	1.951.706.900	1.801.575.600
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.441.456.900	1.330.575.600
Các cổ đông khác	510.250.000	471.000.000

Các điều kiện và điều khoản của giao dịch với bên liên quan

Các giao dịch với Công ty TNHH Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam ("NXBGDVN") chủ yếu được thực hiện theo các hợp đồng làm sách giáo dục mới và tái bản. Theo đó, Công ty được giao thực hiện tổ chức bản thảo, tổ chức bản thảo tái bản sách giáo dục theo quy trình làm sách của NXBGDVN đảm bảo tiêu chí chất lượng theo quy định. Giá hợp đồng đối với làm sách giáo dục mới được xác định căn cứ vào nội dung, định mức thanh toán chi phí tổ chức biên soạn sách giáo dục của NXBGDVN; đối với tổ chức tái bản sách giáo dục, giá hợp đồng được xác định căn cứ vào sản lượng sách phát hành, giá bìa và tỷ lệ thanh toán theo quy định. Giá trị hợp đồng sẽ được hai bên thống nhất, quyết toán thông qua các lần nghiệm thu cụ thể công việc thực tế phát sinh. NXBGDVN sẽ giữ quyền sở hữu trí tuệ đối với bản thảo của các loại sách giáo dục và các tài liệu, kết quả của việc thực hiện hợp đồng.

Đối với các giao dịch còn lại với các bên liên quan khác được thực hiện theo các mức giá và các điều khoản như các giao dịch thông thường được quy định trong các hợp đồng.

Thù lao, tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng như sau:

	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Trần Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Bà Phạm Thị Hồng	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	692.191.485	682.228.800
Bà Nguyễn Thị Lan	Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 20/04/2024)	32.000.000	-
Ông Quách Tất Kiên	Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20/04/2024)	16.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Hiền Trang	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	636.263.461	617.385.520
Ông Phạm Đình Lượng	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	610.073.778	600.044.638
Ông Chu Quang Tuyến	Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 18/04/2023) kiêm Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 01/07/2023)	-	76.341.165
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Phó Giám đốc	602.358.786	543.211.786
Ông Nguyễn Huy Hoàng	Trưởng Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 20/04/2024)	12.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Trà Giang	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 20/04/2024)	6.000.000	18.000.000
Ông Phạm Việt Quang	Thành viên Ban Kiểm soát	17.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên Ban Kiểm soát	17.000.000	12.000.000
Ông Phạm Gia Huy	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 01/08/2024)	334.693.830	-
Bà Ma Thị Thu	Phụ trách kế toán (Miễn nhiệm từ ngày 01/08/2024)	86.227.745	319.893.926

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

32 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.



Ma Thị Thu
Người lập biểu



Phạm Gia Huy
Kế toán trưởng


Phạm Thị Hồng
Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2025